CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 22/Interbos/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Thực Phẩm và Đồ Uống Quốc Tế

Địa chỉ: Cụm công nghiệp sạch, xã Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 023213727552 Fax: 023213727558

Mã số doanh nghiệp:0900276586 – Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 06/01/2023 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên cấp

Số Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm TCVN ISO 22000:2018/ISO 22000:2018 cấp bởi trung tâm chứng nhận phù hợp – QUACERT – Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: PHÔ MAI TƯƠI HÖFF.

2. Thành phần: Sữa (nước, kem sữa, sữa tươi, sữa bột), đường, chất ổn định (1422, 466, 406, 471, 410), canxi photphat, chất điều chỉnh độ axit (270), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất tạo ngọt tự nhiên (960a), màu tự nhiên (160a(ii)), vitamin K2 tự nhiên, vitamin D3, chủng men lên men phô mai Lactococcus lactics subsp. lactis và Lactococcus lactics subsp. cremoris, enzyme chymosin.

- Sản phẩm có chứa sữa.
- Thực phẩm bổ sung.

* **Thông tin dinh dưỡng**: theo nhãn đính kèm.

- Hàm lượng các chất không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn và không vượt quá ngưỡng dung nạp tối đa theo thông tư số 43/2014/TT-BYT.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 08 tháng kể từ ngày sản xuất

- NSX & HSD: in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói:

+ Khối lượng tịnh: 55 g – đối với đóng gói một hộp

+ Khối lượng tịnh: 220 g (4 hộp x 55 g) – Đối với đóng gói một vỉ

(sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4.2 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa PE/EVOH/PS đảm bảo đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN số 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cở sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất bởi: Công ty Cổ phần thực phẩm và đồ uống Quốc Tế

Địa chỉ: Cụm công nghiệp sạch, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn và màng nắp sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN số 5-3:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm Phomat
- TCCS số 08:2024/ITB – Tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm Phô mai tươi Höff.
- Và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo yêu cầu hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 05 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thu Mai

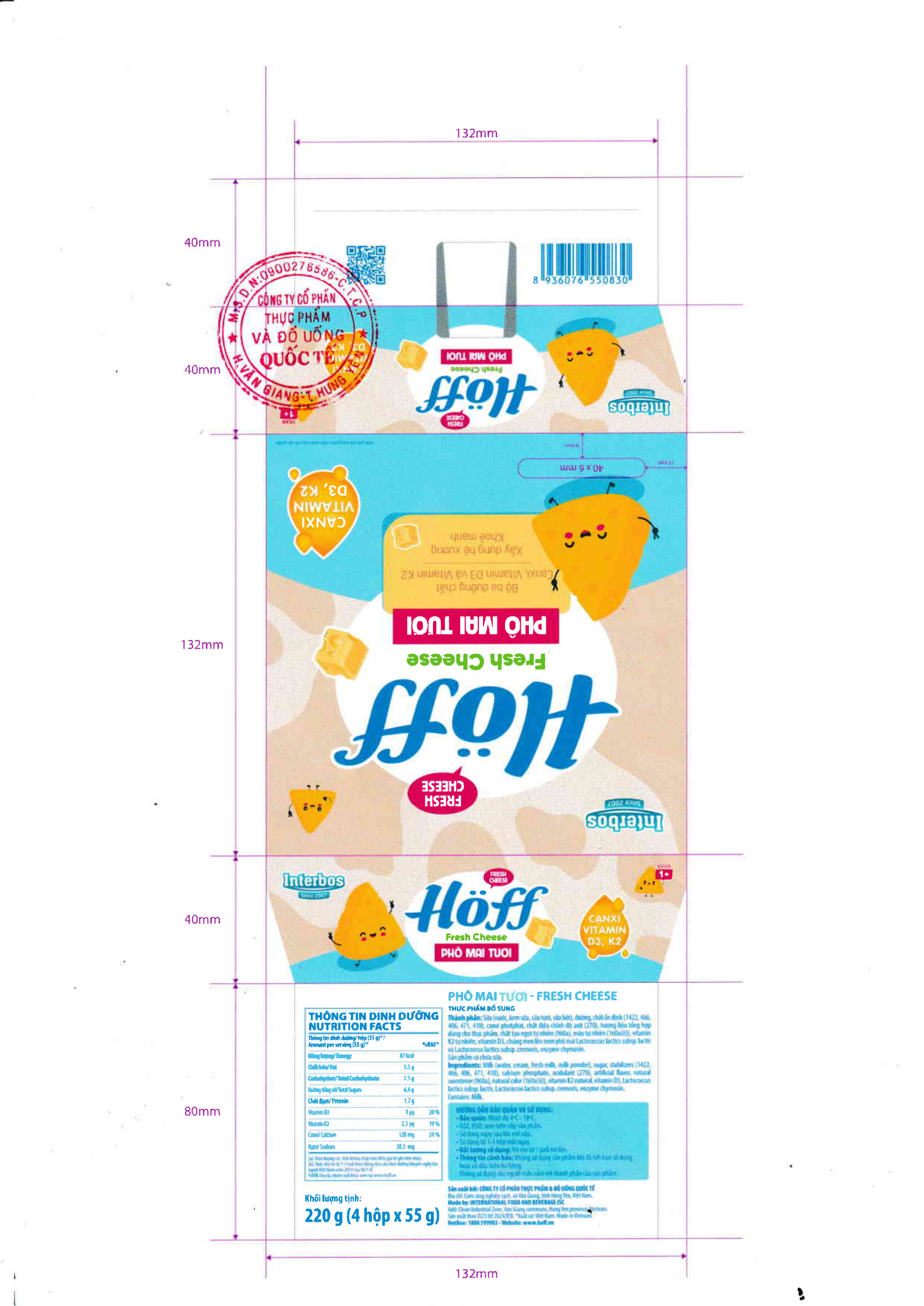
132mm
40mm
40mm
132mm
40mm
80mm
132mm
M.S.D.N: 0900276586-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
H.VĂN GIANG-T.HƯNG YÊN
8 936076 550830
Höff
Fresh Cheese
PHÔ MAI TƯƠI
FRESH CHEESE
Interbos
Since 2007
CANXI VITAMIN D3, K2
40 x 6 mm
Bổ sung dưỡng chất
Canxi, Vitamin D3 và Vitamin K2
Xây dựng hệ xương
Khỏe mạnh
1+
THÔNG TIN DINH DƯỠNG
NUTRITION FACTS
Thông tin dinh dưỡng/ hộp (55 g)
Amount per serving (55 g)
%RNI*
Năng lượng/ Energy 87 kcal
Chất béo/ Fat 5.5 g
Carbohydrate/ Total Carbohydrate 7.5 g
Đường tổng số/ Total Sugars 6.6 g
Chất đạm/ Protein 1.7 g
Vitamin D3 1 µg 20 %
Vitamin K2 2.5 µg 79 %
Canxi/ Calcium 120 mg 24 %
Natri/ Sodium 38.5 mg
PHÔ MAI TƯƠI - FRESH CHEESE
THỰC PHẨM BỔ SUNG
Thành phần: Sữa (nước, kem sữa, sữa tươi, sữa bột), đường, chất ổn định (1422, 466, 406, 471, 410), canxi photphat, chất điều chỉnh độ axit (270), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất tạo ngọt tự nhiên (960a), màu tự nhiên (160a(ii)), vitamin K2 tự nhiên, vitamin D3, chủng men lên men phô mai Lactococcus lactics subsp. lactis và Lactococcus lactics subsp. cremoris, enzyme chymosin.
Sản phẩm có chứa sữa.
Ingredients: Milk (wates, cream, fresh milk, milk powder), sugar, stabilizers (1422, 466, 406, 471, 410), calcium phosphate, acidulant (270), artificial flavor, natural sweetener (960a), natural color (160a(ii)), vitamin K2 natural, vitamin D3, Lactococcus lactics subsp. lactis, Lactococcus lactics subsp. cremoris, enzyme chymosin.
Contains: Milk.
HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG:
- Bảo quản: Nhiệt độ 4°C - 18°C.
- HSD, NSX: xem trên nắp sản phẩm.
- Sử dụng ngay sau khi mở nắp.
- Sử dụng từ 1-3 hộp mỗi ngày.
- Đối tượng sử dụng: Trẻ em từ 1 tuổi trở lên.
- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi đã hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
Không sử dụng cho người mẫn cảm với thành phần của sản phẩm.
Khối lượng tịnh:
220 g (4 hộp x 55 g)
Sản xuất bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Địa chỉ: Cụm công nghiệp xã, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Made by: INTERNATIONAL FOOD AND BEVERAGE JSC
Add: Cluster Industrial Zone, Van Giang commune, Hung Yen province, Vietnam.
Sản xuất theo TCCS 08: 2024/IFB. *Xuất xứ: Việt Nam. Made in Vietnam.
Hotline: 1800 599983 - Website: www.hoff.vn


M.S.D.N: 0900276586-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM
VÀ ĐỒ UỐNG
QUỐC TẾ
H. VĂN GIANG-T. HƯNG YÊN
65
65
65
65
130
130
Interbos
Since 2007
Höff
Fresh Cheese
PHÔ MAI TƯƠI
FRESH CHEESE
CANXI VITAMIN D3, K2
Bộ ba dưỡng chất
Canxi, Vitamin D3 và Vitamin K2
Xây dựng hệ xương
Khoẻ mạnh
Khối lượng tịnh: 55 g

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : X4GD2507160284-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00129979

Mã số EoI : 005-32410-506110
Tên mẫu : Phô mai tươi Höff
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 16/07/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 31/07/2025
Thời gian thử nghiệm : 16/07/2025 - 31/07/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW041 VW (a) *Listeria monocytogenes*	cfu/ g	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
2	VW031 VW (a) *Staphylococci dương tính với coagulase*	cfu/ g	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD162 VD (a) **Béo**	g/ 100 g	TCVN 8181:2009 (ISO 1735:2004)	9.79
4	VD555 VD (m) **Béo sữa trên chất khô**	g/ 100 g	TCVN 8181:2009 (ISO 23319:2022); TCVN 8174:2009 (ISO 5534:2004)	35.3
5	VW0A2 VW **Carbohydrates**	g/ 100 g	AOAC 986.25	13.7
6	VW0A4 VW **Năng lượng**	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	156
7	VW064 VW (a) **Đạm**	g/ 100 g	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)	3.23
8	VD4P0 VD (a) **Đường tổng**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	10.3
9	VD4P0 VD (a) **Fructose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
10	VD4P0 VD (a) **Glucose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) **Lactose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	3.49
12	VD4P0 VD (a) **Maltose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) **Sucrose**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	6.76
14	VD2FE VD (a) **Spiramycin**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=5)
15	VD020 VD (a) **Melamine**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)
16	VW01R VW (a) **Aflatoxin M1**	µg/ kg	ISO 14501:2021	Không phát hiện (LOD=0.008)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00129979

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD4A2 VD (a) **Aldrin và dieldrin (Tổng)**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
18	VD38J VD (a) **Benzylpenicillin / Procaine benzylpenicillin**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	**Không phát hiện (LOD=2)**
19	VDD5M VD (m) **Canxi (Ca)**	mg/ 100 g	AOAC 2011.14	**248**
20	VD4WB VD (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
21	VD38I VD (a) **Chlortetracycline/Oxytetracycline/Tetracycline**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	**Không phát hiện (LOD=20)**
22	VD4A1 VD (a) **Cyfluthrin**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
23	VD3A5 VD (a) **DDT**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
24	VD3A7 VD (a) **Endosulfan**	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	**Không phát hiện (LOD=0.003)**
25	VD2NT VD (a) **Dư lượng Gentamycin**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11544 (2020) (Ref. EuroProxima Gentamycin Art. No.: 5111GEN)	**Không phát hiện (LOD=10)**
26	VDTTY VD (m) **Natri (Na)**	mg/ 100 g	AOAC 2011.14	**66.7**
27	VD4WU VD **pH**		EVN-R-RD-2- TP-5846 (Ref. AOAC 943.02)	**4.49**
28	VDG3K VD (a) **Dư lượng Streptomycin / Dihydrostreptomycin**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11543 (2020) (Ref.RIDASCREEN® Streptomycin Art. No. R3104)	**Không phát hiện (LOD=5)**
29	VDGB6 VD (a) **Vitamin K2-MK7**	µg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5640 (2020) (Ref. TCVN 8974:2011)	**5.920**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 11/08/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/08/2025.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238, (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : X4GD2508010028-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00143346

Mã số EoI : 005-32410-517761
Tên mẫu : Phô mai tươi Höff
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 01/08/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 06/08/2025
Thời gian thử nghiệm : 04/08/2025 - 06/08/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD9R0 VD (a) **Vitamin D_3 (Cholecalciferol)**	µg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP16189 (Tham khảo TCVN 8973:2011)	**1.5**

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 11/08/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/08/2025.

Ghi chú giải thích
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ SẢN PHẨM PHÔ MAI TƯƠI HÖFF

1. Thông tin chung tiêu chuẩn cơ sở

- Tên sản phẩm: **Phô mai tươi Höff**
- Mã hiệu tiêu chuẩn: **TCCS 08:2024/ITB**

2. Các chỉ tiêu cảm quan: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Phương pháp kiểm tra
1	Trạng thái	Dạng sệt, đồng nhất	Quan sát
2	Màu sắc	Màu trắng sữa	
3	Mùi	Hương đặc trưng của sản phẩm	Ngửi
4	Vị	Chua ngọt hài hòa, không có vị lạ	Nếm
5	Tạp chất lạ nhìn thấy bằng mắt thường	Không có	Quan sát

3. Các chỉ tiêu hóa lý: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố
1	pH	4,0 – 5,5
2	Hàm lượng chất béo, % tính theo chất khô	25 - 45

4. Các chỉ tiêu dinh dưỡng: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị dinh dưỡng trung bình(*)
1	Năng lượng, kcal/hộp	87
2	Chất đạm, g/hộp	1,7
3	Chất béo, g/hộp	5,5
4	Carbohydrat, g/hộp	7,5
5	Đường tổng số, g/hộp	6,6
6	Vitamin D3, µg/hộp	1
7	Vitamin K2, µg/hộp	2,5
8	Canxi, mg/hộp	120

9	Natri, mg/hộp	38,5

(*) Hàm lượng các chất không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn

5. Chỉ tiêu kim loại nặng: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa mg/kg
1	Chì (Pb)	0,02

6. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa µg/kg
1	Aflatoxin M1	0,5

7. Chỉ tiêu Melamin: phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa mg/kg
1	Melamin	2,5

8. Các chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa µg/kg
1	Benzylpenicillin/ Procain benzylpenicillin	4
2	Clortetracyclin/ Oxytetracyclin/ Tetracyclin	100
3	Dihydrostreptomycin/ Streptomycin	200
4	Gentamicin	200
5	Spiramycin	200

9. Các chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa mg/kg
1	Endosulfan	0,01
2	Aldrin và dieldrin	0,006
3	Cyfluthrin	0,04

4	DDT	0,02

10. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa CFU/g
1	Staphylococci dương tính với coagulase	100
2	L. monocytogenes	100